TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 06-3-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Phượng**.

2. Ông **Nguyễn Thanh Rực**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Hồng T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị U**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông **Trần Phước Đ**, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T trình bày:***

Vào ngày 18/02/2021 tính theo ngày âm lịch (năm Tân Sửu) nhằm vào ngày dương lịch là 30/03/2021, bà Trần Thị U có vay của bà Trần Thị Hồng T 15.000.000 đồng với lý do đóng tiền mua xe trả góp. Tiếp đến vào ngày 14/09/2021 tính theo ngày âm lịch (năm Tân Sửu) nhằm vào ngày dương lịch là 19/10/2021, bà Trần Thị U vay thêm số tiền 25.000.000 đồng. Tổng cộng là vay tất cả 40.000.000 đồng. Lãi suất là do hai bên tự thỏa thuận bên ngoài, không ghi vào biên nhận. Thời gian trả là

khi nào bà Trần Thị U trả tiền góp của chiếc xe SH và bán thì lấy tiền trả lại tiền gốc cho bà Trần Thị Hồng T. Nhưng hiện tại bà Trần Thị U đã góp xong và đã bán chiếc xe SH nhưng không trả tiền cho bà Trần Thị Hồng T.

Bà T xác định bà Trần Thị U đã đóng được 10 tháng tiền lãi từ ngày 01/10/2021 âm lịch đến ngày 30/8/2022 âm lịch, mỗi ngày đóng 50.000 đồng, tổng cộng là 16.000.000 đồng, không trừ tiền gốc.

Nay bà Trần Thị Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị U hoàn trả lại số tiền gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị Hồng T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- Biên nhận viết tay bằng mực màu xanh trên giấy tập học sinh, phần cuối nội dung thể hiện 18-02-2021 và có điểm chỉ bằng mực màu đỏ có nội dung chính*: "Tôi tên Trần Thị U, ngụ ấp 3, TTLP có mượn tiền của cô Trần Thị Hồng T số tiền là 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng chẵn)"...*

- Biên nhận được đánh máy và viết tay trên giấy A4 có nội dung chính: *"Tôi tên Trần Thị Hồng T, sinh năm 1986. Hiện cư ngụ tại Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng*

Tôi có cho mượn tiền là người có tên: Trần Thị U

Với số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu đồng)

..."

Phần cuối nội dung đề ngày 14 tháng 09 năm 2021 và có điểm chỉ bằng mực màu đỏ.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án án, Bị đơn bà Trần Thị U trình bày:***

Bà Trần Thị U vay bà T từ năm 2020 âm lịch đến năm 2021 âm lịch, sau khi tổng cộng lại là 40.000.000 đồng, bà T yêu cầu trả góp mỗi ngày 50.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/09/2021 âm lịch đến ngày 01/09/2022 âm lịch bà U đã trả cho bà bà T được 12 tháng với tổng cộng số tiền là 18.000.000 đồng, chỉ còn lại 22.000.000 đồng.

Bà Trần Thị U đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 22.000.000 đồng còn nợ, mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi hết nợ.

Tuy nhiên do không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã đóng được 18.000.000 đồng tiền gốc và trong phiên hòa giải, công khai chứng cứ bà Trần Thị Hồng T xác định đã đóng được 16.000.000 đồng nên bà Trần Thị U cũng thống nhất là đã đóng 16.000.000 đồng nhưng là tiền gốc chứ không phải là tiền lãi như bà T trình bày.

Bà Trần Thị U đưa ra ý kiến trả số tiền còn lại là 24.000.000 đồng mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi hết nợ. Đồng thời, yêu cầu Tòa án xem xét miễn án phí cho bà Trần Thị U.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, đã tiến hành lấy lời khai người làm chứng theo yêu cầu của bà Trần Thị U là ông Trần Phước Đ:***

Ông Đ xác định vào khoảng từ tháng 5 tháng 6 năm 2022, vào buổi chiều từ 15 giờ 30 phút đến 16 giờ. Mỗi tuần thì hai lần ông Đ thường gặp bà Trần Thị Hồng T cũng đến nhà của bà Trần Thị U để góp tiền vay của bà U. Mỗi lần như vậy thì ông Đ thấy bà Trần Thị U đưa số tiền 50.000 đồng cho bà Trần Thị Hồng T. Tuy nhiên ông Đ không biết rõ số tiền này là trả của khoảng vay nào. Trả tiền lãi hay trả tiền gốc ông Đ cũng không nắm rõ. Tổng số tiền mà bà U đã đưa cho bà T từ trước đến nay là bao nhiêu ông cũng không rõ. Ông Đ cũng xác định với Tòa án rằng ông không có mối quan hệ họ hàng thân tộc hoặc có mâu thuẫn gì với bà Trần Thị U cũng như bà Trần Thị Hồng T.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Theo đó các bên đương sự đã thỏa thuận cũng như không thỏa thuận được với nhau một số nội dung sau:

- Những nội dung các đương sự đã thống nhất:

+ Bà Trần Thị Hồng T và bà Trần Thị U thống nhất xác định thời gian vay là ngày 18/02/2021 âm lịch (nhằm ngày 30/03/2021) bà Trần Thị U có vay của bà T số tiền là 15.000.000 đồng và ngày 14/09/2021 âm lịch (nhằm ngày 19/10/2021) bà Trần Thị U có vay bà T số tiền 25.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng.

+ Bà T và bà U thống nhất xác định, bà U đã góp được tổng số tiền 16.000.000 đồng.

- Những nội dung các đương sự không thống nhất:

+ Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Thị U có trách nhiệm hoàn trả cho bà T số tiền là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

+ Bà T xác định vay không lãi, kỳ hạn được xác định, khi nào bà Trần Thị U bán được chiếc xe SH thì trả tiền gốc cho bà T và chiếc xe SH hiện nay đã bán xong. Thời điểm bà T yêu cầu bà U trả số tiền là cuối tháng 10 năm 2022.

+ Lãi tự thỏa thuận riêng là 4%/tháng không ghi biên nhận. Thời điểm bắt đầu tính lãi là ngày bà U góp tiền.

+ Bà T xác định bà U đã trả được 10 tháng tiền lãi từ ngày 01/10/2021 âm lịch đến ngày 30/8/2022 âm lịch, được tổng số tiền là 16.000.000 đồng.

+ Bị đơn bà Trần Thị U xác định số nợ 40.000.000 đồng tiền vay của bà Trần Thị Hồng T không có lãi. Hiện nay đã trả được tiền gốc là: 16.000.000 đồng chứ không phải tiền lãi như bà T trình bày. Hiện tại chỉ còn nợ tiền gốc là 24.000.000 đồng chưa trả. Đồng ý mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

+ Việc bà T trình bày về việc bán chiếc xe SH trả tiền thì không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị U hoàn trả lại số tiền gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Trần Thị U xác định chỉ còn nợ số tiền gốc của bà Trần Thị Hồng T là 24.000.000 đồng. Bà U đồng ý trả số tiền 24.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả một lần mà chỉ có khả năng mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đồng thời bà U đưa ra yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bà vì bà thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền gốc là 24.000.000 đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện buộc bà Trần Thị U có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị Hồng T số tiền là 40.000.000 đồng được xác định đây là vụ án dân sự với quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị U có địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T cung cấp:

Biên nhận viết tay bằng mực màu xanh trên giấy tập học sinh, phần cuối nội dung thể hiện 18-02-2021 và có điểm chỉ bằng mực màu đỏ có nội dung chính*: "Tôi tên Trần Thị U, ngụ ấp 3, TTLP có mượn tiền của cô Trần Thị Hồng T số tiền là 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng chẵn)"...*

Biên nhận được đánh máy và viết tay trên giấy A4 có nội dung chính: *"Tôi tên Trần Thị Hồng T, sinh năm 1986. Hiện cư ngụ tại Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng*

Tôi có cho mượn tiền là người có tên: Trần Thị U

Với số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu đồng)

...”

Phần cuối nội dung đề ngày 14 tháng 09 năm 2021 và có điểm chỉ bằng mực màu đỏ.

[2.2] Bị đơn bà Trần Thị U không phản đối những tài liệu, chứng cứ nêu trên. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Vào ngày 18-02-2021 nhằm vào ngày 30/3/2021 dương lịch bà Trần Thị U có vay của bà Trần Thị Hồng T số tiền 15.000.000 đồng, vay không lãi và không xác định kỳ hạn thanh toán. Vào ngày 14 tháng 09 năm 2021 âm lịch nhằm vào ngày 19/10/2021 dương lích bà Trần Thị U có vay của bà Trần Thị Hồng T số tiền 25.000.000 đồng, vay không lãi và không kỳ hạn thanh toán.

[2.3] Đối với hợp đồng vay tài sản trên, số tiền các bên đã giao nhận cho nhau xong, không phát sinh tranh chấp về số lượng. Thời hạn thông báo để bị đơn trả tiền theo nguyên đơn xác định vào tháng 11 năm 2022. Nội dung này cũng được bị đơn cũng thừa nhận vấn đề này. Do đó Hội đồng xét xử xác định có đủ căn cứ để xác định thời hạn thông báo trước khi yêu cầu trả tiền là cuối tháng 11 năm 2022.

[2.4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà Trần Thị U với bà Trần Thị Hồng T xác lập giao dịch vay tài sản với tổng số tiền 40.000.000 đồng, hình thức vay không lãi và không kỳ hạn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015. Tại khoản 1 Điều 469 quy định *“...1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*. Theo đó thời hạn báo cho nhau biết trước được các bên xác định là tháng 11 năm 2022. Do đó nghĩa vụ của bên vay là bà Trần Thị U phải thực hiện trả tiền theo quy định tại khoản 1 và 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định

“...

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”

[2.5] Bà Trần Thị Hồng T và bà Trần Thị U thống nhất xác định bà Trần Thị U đã góp được 16.000.000 đồng căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Bà Trần Thị U đã góp được tổng số tiền là 16.000.000 đồng.

[2.6] Xét ý kiến của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T xác định số tiền góp 16.000.000 đồng của bà U là số tiền lãi. Tuy nhiên bà U xác định đây là số tiền gốc

vì hai bên xác định vay không lãi và hợp đồng không xác định có lãi. Về nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn xác định tổng số tiền 16.000.000 đồng do bị đơn đã góp mỗi ngày 50.000 đồng là tiền lãi trên cơ sở thỏa thuận bằng miệng. Nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc xác định lãi trên. Bên cạnh đó, theo hai biên nhận mà nguyên đơn giao nộp không thể hiện việc vay tiền không đề cập đến lãi vay. Các biên nhận được đánh máy, viết tay khá đầy đủ rõ ràng. Việc nguyên đơn xác định lãi thỏa thuận bằng miệng nhưng không đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh và bị đơn không thừa nhận vấn đề này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định số tiền bị đơn đã đóng 16.000.000 đồng là tiền lãi.

[2.7] Do đó, bị đơn xác định đã trả góp 16.000.000 đồng, cấn trừ vào tổng số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và Hội đồng xét xử chấp nhận cấn trừ số tiền trên vào số nợ gốc 40.000.000 đồng. Do đó bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 24.000.000 đồng.

[2.8] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.9] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng T kiện bà Trần Thị U.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng T buộc bà Trần Thị U trả số tiền 40.000.000 đồng được chấp nhận một phần là 24.000.000 đồng nên bà T phải chịu án phí đối với số tiền 16.000.000 đồng không được chấp nhận. Đối với bà Trần Thị U là người có nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên bà Trần Thị U thuộc trường hợp là người cao tuổi và đơn yêu cầu được miễn án phí theo quy định tại tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 nên được xem xét chấp nhận miễn án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 3 Điều 235, Điều 271 và Điều 273 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 463, 466, 469 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng T.

1/ Buộc bà Trần Thị U có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Hồng T số tiền là: 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Hồng T phải chịu án phí 800.000 đồng đối với số tiền 16.000.000 đồng không được chấp nhận và trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ Tòa án số 0005976 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú. Trả lại cho bà Trần Thị Hồng T số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- Bà Trần Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Nhưng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện LP;
- Chi cục THADS huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thái Ngọc